

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 148/2023/DS-PT

Ngày 30 - 8 - 2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng đặt cọc*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Xuân Long

Các Thẩm phán:

Ông Trương Văn Tâm

Bà Nguyễn Thị Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu: Bà Trần Thị Kiều Oanh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 130/2023/TLPT-DS ngày 27/6/2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng đặt cọc*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2023/DS-ST ngày 28-4-2023 của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 156/2023/QĐ-PT ngày 20-7-2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 165/2023/QĐ-PT ngày 09-8-2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị Mai P, sinh năm 1967 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ A, khu phố T, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Bị đơn:

- Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1963 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp N, xã X, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N: Bà Trần Thị Kim N1, sinh năm 1990; địa chỉ: Khu phố T, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

- Ông Trần Tất T, sinh năm 1957 (đã chết ngày 19/10/2022).

Những người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Tất T:

+ Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1963; địa chỉ: Ấp N, xã X, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà N: Bà Trần Thị Kim N1, sinh năm 1990; địa chỉ: Khu phố T, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

+ Ông Trần Tất L, sinh năm 1998; địa chỉ: Ấp N, xã X, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

+ Bà Trần Thị Kim N1, sinh năm 1990; địa chỉ: Khu phố T, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

+ Bà Trần Thị Kim N2, sinh năm 1987; địa chỉ: B Chung cư T, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Công K, sinh năm 1960 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ A, Khu phố T, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

4. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1963; là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, các bản khai và quá trình tố tụng tại phiên tòa, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Mai P trình bày:

Ngày 06/6/2019, bà P và vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim N ông Trần Tất T (Vợ chồng bà N), do bà N đứng ra đại diện ký hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 2.598m², thửa đất số 2500, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại xã X, huyện X với giá là 6.400.000.000 đồng.

Ngày ký hợp đồng đặt cọc, bà P đã đặt cọc số tiền là 640.000.000 đồng. Sau đó, bà P đã chuyển thêm cho vợ chồng bà N tổng cộng số tiền là 1.360.000.000 đồng, tổng số tiền bà P đã đặt cọc cho vợ chồng bà N là 2.000.000.000 đồng. Số tiền còn lại 4.400.000.000 đồng, hai bên viết tay vào hợp đồng đặt cọc hẹn 90 ngày kể từ ngày 01/7/2019 trở đi sẽ giao dịch tiếp.

Khoảng 2 tuần sau ngày 01/7/2019, bà P có lên Phòng kinh tế hạ tầng huyện X (thuộc UBND huyện X) để hỏi mua đất thổ cư và san lấp nhưng Nhân viên thuộc Phòng kinh tế hạ tầng huyện X kiểm tra trên sổ sách, phần mềm thì nói bằng miệng “Đất đang bị quy hoạch mua được thổ cư, cũng như không san lấp”. Bà P về nhà vợ chồng bà N thông báo lại đất bị quy hoạch, không cho san lấp, không cho mua được thổ cư nhưng vợ chồng bà N nói đất không có quy hoạch gì hết. Trong thời hạn 90 ngày, bà P có lên Phòng kinh tế hạ tầng huyện X nhiều lần để xin Văn bản

trả lời đất quy hoạch nhưng Phòng kinh tế hạ tầng huyện X nói bà P không phải chủ đất nên không có trả lời văn bản. Sự việc kéo dài, đến khi bà P có mối quan hệ ở địa phương nên có nhờ người đề xin được văn bản trả lời của Phòng kinh tế hạ tầng huyện Xuyên Mộc số 667 ngày 28/11/2019 trả lời về việc đất thuộc diện quy hoạch. Sau khi mà có văn bản, bà P trực tiếp cầm lên giao cho vợ chồng bà N để chứng minh đất đã bị quy hoạch nhưng vợ chồng bà N trả lời quy hoạch này lâu rồi, sau này sẽ gỡ bỏ.

Bà P đã gặp vợ chồng bà N yêu cầu trả lại tiền cọc do vi phạm cam kết nhưng vợ chồng bà N không đồng ý trả lại với lý do tiền đã mua đất chỗ khác và nói bà P cứ tìm người bán lại đất, nếu bán được sẽ trả lại bà P tiền cọc. Khi bà P tìm được khách mua đất thì vợ chồng bà N đổi ý không muốn bán nữa, đòi tăng giá chuyển nhượng lên gấp đôi mới chịu bán. Ngay từ khi giao dịch, vợ chồng bà N đã lừa dối bà P là đất thổ cư nên bà P mới đồng ý mua với giá cao như vậy. Hiện nay, vợ chồng bà N không chịu trả tiền cọc cũng như giao đất.

Bà P đã đưa ra phương án thỏa thuận là cắt đất mặt tiền trị giá tương đương 2.000.000.000 đồng đặt cọc để trả cho bà P nhưng vợ chồng bà N cũng không giải quyết, nói rằng đợi một thời gian nữa Nhà nước gỡ bỏ quy hoạch rồi tính tiếp. Bà P biết vợ chồng bà N đang cố tình kéo dài thời gian, đợi Nhà nước làm xong đường Quốc lộ 55 đề đất lên giá, gây khó khăn cho bà P. Bà P đã chờ đợi trong suốt 2 năm nay, số tiền bà P đặt cọc cho vợ chồng bà N là số tiền bà P phải đi vay và trả lãi hàng tháng.

Đối với việc vợ chồng bà N trình bày: “Trong số tiền đặt cọc, bà P đã trích 2% tiền cò, môi giới là 128.000.000 đồng và bà P trực tiếp nhận tiền”. Bà P cho rằng: Bà P đặt cọc cho vợ chồng bà N số tiền là 2.000.000.000 đồng, còn lại việc vợ chồng bà N sử dụng như thế nào thì bà P không rõ.

Hiện nay, tình hình kinh tế của bà P quá khó khăn, nhiều lần bà P gặp vợ chồng bà N đề nghị giải quyết nhưng vợ chồng bà N vẫn không hợp tác, nói bà P đợi bao giờ bán được giá đất gấp đôi mới giải quyết cho bà P.

Nay, bà P khởi kiện yêu cầu bà N và những người thừa kế của ông T phải thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối diện tích 2.598m², thửa số 2500, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại xã X, huyện X theo thỏa thuận ngày 06/6/2019. Nếu bà N và những người thừa kế của ông T không tiếp tục giao dịch thì bà P yêu cầu bà N và những người thừa kế của ông T phải bồi thường gấp hai lần tiền đặt cọc theo hợp đồng đặt cọc ngày 06/6/2019.

2. Theo các bản tự khai, biên bản lấy lời khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim N và những người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông T trình bày:

Khoảng tháng 5/2019, bà P có đến nhà vợ chồng bà N hỏi mua đất, sau khi xem sổ đỏ và thực địa, vợ chồng bà N đồng ý bán diện tích 2.598m², thửa số 2500,

tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại xã X, huyện X với giá chuyển nhượng 6.400.000.000 đồng.

Ngày 06/6/2019, vợ chồng bà P đến nhà vợ chồng bà N viết giấy hợp đồng đặt cọc với số tiền lần 1 là 640.000.000 đồng. Ngày 01/7/2019, đặt cọc lần 2 là 1.360.000.000 đồng và viết cam kết giao dịch chồng tiền đủ trong vòng 90 ngày kể từ ngày 01/7/2019. Trong số tiền đặt cọc, bà P đã trích 2% tiền cò, môi giới là 128.000.000 đồng và bà P trực tiếp nhận tiền.

Nhưng sau đó, bà P không tiếp tục chồng tiền mà nêu lý do đất nằm trong quy hoạch, không mua được thổ cư và yêu cầu vợ chồng bà N để cho bà P treo bảng bán đất. Vợ chồng bà N đã đồng ý cho đến hết thời gian 90 ngày như cam kết, nhưng bà P chưa bán được đất nên vợ chồng bà N đã yêu cầu tháo bảng.

Từ thời gian đó cho đến gần cuối năm 2021, bà P không tiếp tục chồng tiền và cũng không có ý kiến gì với vợ chồng bà N. Đến tháng 11/2021, bà P đến nhà vợ chồng bà N và yêu cầu cắt ra 5 mét đất để trừ vào số tiền cọc 2.000.000.000 đồng nhưng vợ chồng bà N không đồng ý.

Nay, bà N và những người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông T không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà P vì bà P đã vi phạm hợp đồng.

3. Quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Công K trình bày: Ông K là chồng bà P, mọi vấn đề liên quan đến vụ án do bà P quyết định, ông K không có ý kiến gì và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2023/DS-ST ngày 28-4-2023 của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc đã tuyên xử:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, 35, 39, 227, 228, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 328 Bộ luật dân sự và Điều 24, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mai P đối với bà Nguyễn Thị Kim N và những người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Tất T là bà Nguyễn Thị Kim N, ông Trần Tất L, bà Trần Thị Kim N1, bà Trần Thị Kim N2.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim N và những người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Tất T là bà Nguyễn Thị Kim N, ông Trần Tất L, bà Trần Thị Kim N1, bà Trần Thị Kim N2 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Mai P số tiền cọc là 2.000.000.000 (Hai tỷ) đồng và số tiền phạt cọc là 2.000.000.000 (Hai tỷ) đồng, tổng cộng là 4.000.000.000 (Bốn tỷ) đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

5. Nội dung kháng cáo:

Ngày 11-5-2023, Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc nhận được đơn kháng cáo của bị đơn - bà Nguyễn Thị Kim N có nội dung: Kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2023/DS-ST ngày 28-4-2023 của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

6. Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các đương sự gồm: Bà Nguyễn Thị Mai P, ông Nguyễn Công K (người đại diện hợp pháp là bà Nguyễn Thị Mai P), bà Nguyễn Thị Kim N (người đại diện hợp pháp – bà Trần Thị Kim N1) và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Tất T: bà Nguyễn Thị Kim N (người đại diện hợp pháp – bà Trần Thị Kim N1), bà Trần Thị Kim N1, bà Trần Thị Kim N2, ông Trần Tất L tự nguyện thỏa thuận giải quyết toàn bộ nội dung vụ án như sau: Hợp đồng đặt cọc ký ngày 06-6-2019 không còn giá trị pháp lý và được thỏa thuận lại; cụ thể:

+ Bà Nguyễn Thị Mai P, ông Nguyễn Công K, bà Nguyễn Thị Kim N và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Tất T: bà Nguyễn Thị Kim N, bà Trần Thị Kim N1, bà Trần Thị Kim N2, ông Trần Tất L đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng đặt cọc; theo đó: xác định giá chuyển nhượng của quyền sử dụng đất diện tích 2.598m² thuộc thửa số 2500, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại xã X, huyện X là: 5.760.000.000đ (Năm tỷ bảy trăm sáu mươi triệu đồng).

+ Thời hạn để ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 05 tháng (kể từ ngày 30-8-2023); tức vào ngày 30-01-2024.

+ Bà Nguyễn Thị Mai P, ông Nguyễn Công K đã đặt cọc 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng).

+ Địa điểm ký hợp đồng chuyển nhượng: Tại Văn phòng Công chứng Phạm Phi H tại huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; thời gian vào lúc 8 – 9 giờ ngày 30-01-2024.

+ Thanh toán tiền còn lại (3.760.000.000đ (Ba tỷ bảy trăm sáu mươi triệu đồng) tại ngày công chứng và ngay sau khi các bên ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

+ Kể từ ngày 31-01-2024 nếu:

- Trường hợp bà Nguyễn Thị Mai P, ông Nguyễn Công K không ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và không giao đủ tiền cho bà Nguyễn Thị Kim N, bà Trần Thị Kim N1, bà Trần Thị Kim N2, ông Trần Tất L thì toàn bộ số tiền đã đặt cọc 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng) sẽ thuộc về gia đình bà Nguyễn Thị Kim N (tức bà P, ông K bị mất cọc).

- Trường hợp bà Nguyễn Thị Kim N, bà Trần Thị Kim N1, bà Trần Thị Kim N2, ông Trần Tất L không ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Mai P, ông Nguyễn Công K thì bà Nguyễn Thị Kim N, bà Trần Thị

Kim N1, bà Trần Thị Kim N2, ông Trần Tất L phải trả lại số tiền cọc 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng) và bị phạt cọc 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng).

+ Về án phí:

- Bà P tự nguyện chịu án phí DSST không có giá ngạch là 300.000 đồng.
- Bà N tự nguyện chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

7. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự là đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung kháng cáo: Tại phiên tòa, do các đương sự thống nhất với nhau về giải quyết vụ án; sự thỏa thuận trên không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Từ những nhận định trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự; sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim N đảm bảo đúng thủ tục, nội dung và nộp trong thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên hợp lệ. Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận xem xét lại bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của các đương sự thì thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của các đương sự khác nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự ghi nhận những nội dung mà các đương sự đã thỏa thuận là có căn cứ.

[3] Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Mai P tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Kim N tự nguyện chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 28/2023/DS-ST ngày 28-4-2023 của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc.

Áp dụng: Điều 300 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 26, 29 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Ghi nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa, cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị Mai P, ông Nguyễn Công K (người đại diện hợp pháp là bà Nguyễn Thị Mai P), bà Nguyễn Thị Kim N (người đại diện hợp pháp – bà Trần Thị Kim N1) và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Tất T: bà Nguyễn Thị Kim N (người đại diện hợp pháp – bà Trần Thị Kim N1), bà Trần Thị Kim N1, bà Trần Thị Kim N2, ông Trần Tất L tự nguyện thỏa thuận giải quyết toàn bộ nội dung vụ án như sau: Hợp đồng đặt cọc ký ngày 06-6-2019 không còn giá trị pháp lý và được thỏa thuận lại; cụ thể:

+ Bà Nguyễn Thị Mai P, ông Nguyễn Công K, bà Nguyễn Thị Kim N và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Tất T: bà Nguyễn Thị Kim N, bà Trần Thị Kim N1, bà Trần Thị Kim N2, ông Trần Tất L đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng đặt cọc; theo đó: xác định giá chuyển nhượng của quyền sử dụng đất diện tích 2.598m² thuộc thửa số 2500, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại xã X, huyện X là: 5.760.000.000đ (Năm tỷ bảy trăm sáu mươi triệu đồng).

+ Thời hạn để ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 05 tháng (kể từ ngày 30-8-2023); tức vào ngày 30-01-2024.

+ Bà Nguyễn Thị Mai P, ông Nguyễn Công K đã đặt cọc 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng).

+ Địa điểm ký hợp đồng chuyển nhượng: Tại Văn phòng Công chứng Phạm Phi H tại huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; thời gian vào lúc 8 – 9 giờ ngày 30-01-2024.

+ Thanh toán tiền còn lại (3.760.000.000đ (Ba tỷ bảy trăm sáu mươi triệu đồng) tại ngày công chứng và ngay sau khi các bên ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

+ Kể từ ngày 31-01-2024 nếu:

- Trường hợp bà Nguyễn Thị Mai P, ông Nguyễn Công K không ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và không giao đủ tiền cho bà Nguyễn Thị Kim N, bà Trần Thị Kim N1, bà Trần Thị Kim N2, ông Trần Tất L thì toàn bộ số tiền đã đặt cọc 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng) sẽ thuộc về gia đình bà Nguyễn Thị Kim N (tức bà P, ông K bị mất cọc).

- Trường hợp bà Nguyễn Thị Kim N, bà Trần Thị Kim N1, bà Trần Thị Kim N2, ông Trần Tất L không ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà

Nguyễn Thị Mai P, ông Nguyễn Công K thì bà Nguyễn Thị Kim N, bà Trần Thị Kim N1, bà Trần Thị Kim N2, ông Trần Tất L phải trả lại số tiền cọc 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng) và bị phạt cọc 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng).

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Mai P tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng); nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) theo các Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010773 ngày 20-01-2022 và số 0011612 ngày 30-01-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; bà P đã nộp đủ. Hoàn trả lại cho bà P số tiền tạm ứng án phí còn lại là 6.700.000đ (Sáu triệu bảy trăm ngàn đồng).

Bà Nguyễn Thị Kim N tự nguyện chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng); nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011864 ngày 15-5-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; bà N đã nộp đủ.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 30-8-2023).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND huyện Xuyên Mộc;
- Chi cục THADS huyện Xuyên Mộc;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Xuân Long

